

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG QUAN TRIỀU**

Số: 704/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quan Triều, ngày 01 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ
thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 11 (MATMO)
trên địa bàn phường Quan Triều (Đợt 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUAN TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Thông báo số 108-TB/ĐU ngày 20/10/2025 của Thường trực Đảng ủy đối với một số nội dung báo cáo tại Hội nghị giao ban Thường trực Đảng ủy ngày 20/10/2025.

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 12/10/2025 của UBND phường Quan Triều về việc thành lập Tổ công tác rà soát thiệt hại Cơn bão số 10 (BUALOI) và Cơn bão số 11 (MATMO) trên địa bàn phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 141/TB/UBND ngày 20/10/2025 của UBND phường Quan Triều về việc công khai các chính sách và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và D0 anh sách các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 11 (MATMO) trên địa bàn phường Quan Triều (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND phường Quan Triều về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra (đợt 2);

Căn cứ biên bản kết thúc công khai danh sách các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 11 (MATMO) trên địa bàn phường Quan Triều (Đợt 1) ngày 29/10/2025;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Quan Triều,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí và danh sách các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 11 (MATMO) trên địa bàn phường Quan Triều (Đợt 1) như sau:

Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách tỉnh năm 2025 phân bổ theo Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của UBND phường Quan Triều.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện chi trả các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 11 (MATMO) trên địa bàn phường Quan Triều (Đợt 1).

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VII; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực Đảng ủy phường (b/c);
- Thường trực HĐND phường (b/c);
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hồng



**BẢNG SÁCH HỒ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI
ĐO ANH HƯỞNG CON BÃO SỐ 11 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUAN TRIEU (đợt 1)
(Theo Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 01/11/2025 của UBND phường Quan Triều)**

TT	TÊN TỔ DÂN PHỐ	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích											Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)				
		Thiệt hại trên 70% diện tích						Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
		Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				Cây trồng lâu năm			
Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng (ha)	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)			
1	TỔ DÂN PHỐ 2	2,4812	0,2520	0,1260	1,6380	-	0,1810	0,7040	-	-	-	-	-	-	-	-	76.894.000
2	TỔ DÂN PHỐ 3	1,1920	-	-	0,8390	0,1000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.704.520
3	TỔ DÂN PHỐ 4	0,1696	-	-	0,5350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.721.000
4	TỔ DÂN PHỐ 6	0,2760	-	-	0,3420	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.890.000
5	TỔ DÂN PHỐ 7	2,9246	0,4880	0,1080	1,1520	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50.534.300
6	TỔ DÂN PHỐ 8	3,3011	0,0720	0,3490	1,3729	0,1440	0,0360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	59.974.500
7	TỔ DÂN PHỐ 9	3,7698	2,4062	0,2620	0,5360	0,0300	0,4870	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	72.985.200
8	TỔ DÂN PHỐ 10	6,6658	0,0900	0,0240	2,6330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	106.933.000
9	TỔ DÂN PHỐ 13	-	-	-	0,1080	-	-	0,144	0,0000	-	-	-	-	0,1638	-	-	6.922.800
10	TỔ DÂN PHỐ 16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,0185	-	-	111.000
11	TỔ DÂN PHỐ 19	7,6808	0,2659	0,3496	0,2467	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	85.599.900
12	TỔ DÂN PHỐ 21	0,3512	-	-	0,1911	-	-	-	-	0,0408	-	-	-	-	-	-	6.582.500
13	TỔ DÂN PHỐ 22	9,575	-	-	3,377	0,2765	0,1350	0,0360	-	-	-	-	-	-	-	-	153.497.120
14	TỔ DÂN PHỐ 26	-	-	-	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	750.000
15	TỔ DÂN PHỐ 30	0,692	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.920.000
16	TỔ DÂN PHỐ 31	0,151	-	-	0,14419	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.672.850
17	TỔ DÂN PHỐ 32	3,5683	-	-	0,156	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	38.028.900
18	TỔ DÂN PHỐ 33	3,5674	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35.674.000
19	TỔ DÂN PHỐ 34	1,6755	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.755.000
20	TỔ DÂN PHỐ 35	2,0425	0,659	0,18	0,0157	0	0,1	0,7494	-	-	-	-	0,2204	0,01	-	-	52.318.900
21	TDP CAO SƠN 1	0,1805	0,2811	0,0154	0,06825	0	0,0885	-	5,23516	-	0,0416	-	-	-	-	-	32.823.150
22	TDP CAO SƠN 2	0,5061	-	-	-	-	-	-	0,24	-	-	-	-	-	-	-	5.061.000
23	TDP CAO SƠN 3	0,9623	0,12308	-	0,0182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.834.480
24	TDP CAO SƠN 5	0,516	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.160.000
25	TDP SƠN CẨM	9,59162	0,68685	0,1952	1,1725	1,2453	0,6245	0,7499	-	-	-	-	-	-	-	-	169.507.400
26	TDP BÈN GIỀNG	2,138	0,022	0,4051	0,61	1,4844	-	0,1	0,3191	-	-	0,06	0,17	0,3	0,15	-	63.841.300
27	TDP THANH TRÀ 1	0,3461	-	-	0	-	-	0,0773	1,2166	-	-	-	-	1,8517	-	-	22.973.200
28	TDP THANH TRÀ 2	1,939	0,626	0,8536	0	0,2772	-	-	0,504	-	-	-	2,5498	-	-	-	52.827.200
29	TDP TÁO	15,8171	0,3206	11,3089	-	4,4034	1,4731	-	-	-	-	-	-	-	-	-	355.486.400
30	TDP QUANG TRUNG	16,1677	1,1129	0,5517	2,4703	8,23347	1,6417	2,5595	0,2367	0,0396	0,0706	0,541	0,5184	1,1827	0,3982	-	445.969.740
31	TDP HIỆP LỰC	6,5687	1,804	0,2005	0,125	1,8797	6,9798	0,382	0,108	-	0,036	0,036	1,288	0,2436	-	-	265.157.400
32	TDP ĐỒNG DANH	0,6512	0,075	0,1	0,1995	0,7115	-	0,3323	-	-	-	-	-	-	-	-	29.461.500
33	TDP ĐỒNG XE	7,89622	1,4547	1,3904	1,3388	0,6359	0,0676	0,0831	0,0779	-	-	-	-	-	-	-	137.826.200
	Tổng	113,3643	10,7393	16,4194	19,3388	19,4213	11,8142	5,9205	0,0779	7,9004	0,0396	0,1482	0,6370	6,7806	1,7363	0,5482	2.415.392.560

Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm mười lăm triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi đồng./.

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				
				Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản
ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	đồng	
12	Phạm Văn Dũng	Tổ dân phố 33	0,2130															2.130.000	
13	Hoàng Văn Ôn	Tổ dân phố 33	0,2130															2.130.000	
14	Vũ Thị Thủy	Tổ dân phố 33	0,0622															622.000	
15	Lê Văn Hiếu	Tổ dân phố 33	0,0997															997.000	
16	Lê Văn Tú	Tổ dân phố 33	0,1238															1.238.000	
17	Phạm Thị Toàn	Tổ dân phố 33	0,0920															920.000	
18	Phạm Thị Hà	Tổ dân phố 33	0,1000															1.000.000	
19	Phạm Văn Hùng	Tổ dân phố 33	0,0590															590.000	
20	Phạm Thị Hợp	Tổ dân phố 33	0,2070															2.070.000	
21	Nguyễn Thị Hồng	Tổ dân phố 33	0,0487															487.000	
22	Phạm Thị Bảy	Tổ dân phố 33	0,1300															1.300.000	
23	Nguyễn Lương Nga	Tổ dân phố 33	0,0700															700.000	
24	Phạm Thị Nguyễn	Tổ dân phố 33	0,1100															1.100.000	
25	Vũ Thị Thanh	Tổ dân phố 33	0,0394															394.000	
26	Vũ Thị Toán	Tổ dân phố 33	0,0835															835.000	
27	Phạm Việt Hòa	Tổ dân phố 33	0,1775															1.775.000	
28	Phạm Quang Hiền	Tổ dân phố 33	0,1472															1.472.000	
29	Lê Thị Hạnh	Tổ dân phố 33	0,0808															808.000	
30	Nông Thị Thành	Tổ dân phố 33	0,1500															1.500.000	
TỔNG TDP 33			3,5674	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	35.674.000	
1	Trần Văn Hiền	Tổ dân phố 34	0,1371															1.371.000	
2	Nông Thị Phương	Tổ dân phố 34	0,3591															3.591.000	
3	Nông Thị Hiền	Tổ dân phố 34	0,1139															1.139.000	
4	Trần Thị Loan	Tổ dân phố 34	0,2056															2.056.000	
5	Lăng Thị Chiến	Tổ dân phố 34	0,0797															797.000	
6	Nguyễn Văn Minh	Tổ dân phố 34	0,0877															877.000	
7	Nguyễn Xuân Thái	Tổ dân phố 34	0,0832															832.000	
8	Nguyễn Thị Nguyệt	Tổ dân phố 34	0,1517															1.517.000	
9	Lăng Thị Minh	Tổ dân phố 34	0,0302															302.000	
10	Lăng Văn Hương	Tổ dân phố 34	0,0315															315.000	
11	Lăng Thị Bình	Tổ dân phố 34	0,0634															634.000	
12	Hứa Văn Tú	Tổ dân phố 34	0,2011															2.011.000	
13	Trần Thị Hoa	Tổ dân phố 34	0,1313															1.313.000	
TỔNG TDP 34			1,6755	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.755.000	
1	HOÀNG THỊ LIÊN	Tổ dân phố 35		0,0550														330.000	
2	LÊ ANH CHIẾN	Tổ dân phố 35															0,0100	100.000	
3	THI VĂN PHÚC	Tổ dân phố 35	0,0000						0,2270									6.810.000	
4	LƯƠNG THẢO NGUYỄN	Tổ dân phố 35							0,1404									4.212.000	
5	THI VĂN TOÀN	Tổ dân phố 35	0,1615															1.615.000	
6	NGUYỄN THỊ DÂN	Tổ dân phố 35			0,1800													1.800.000	
7	NGÔ VĂN NGUYỄN	Tổ dân phố 35	0,2160															2.160.000	
8	HOÀNG THỊ BẮC	Tổ dân phố 35							0,1320									3.960.000	
9	THI ĐỨC TUẤN	Tổ dân phố 35	0,0752															752.000	
10	LƯƠNG NGỌC AN	Tổ dân phố 35														0,1000		600.000	
11	LÊ ĐỨC CHÍ	Tổ dân phố 35	0,1608													0,1204		2.330.400	

Thiệt hại trên 70% diện tích

Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thiệt hại trên 70% diện tích															Kinh phí hỗ trợ	
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm					Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm			
			Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu đống ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu đống, vườn cây đầu đống	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu đống ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống		
			ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	đồng	
12	PHÙNG VIỆT PHAN	Tổ dân phố 35		0,1000				0,1000										5.600.000	
13	PHÙNG BÍCH THUẬN	Tổ dân phố 35						0,1500										4.500.000	
14	NGUYỄN THỊ DUNG	Tổ dân phố 35	0,2160															2.160.000	
15	NGUYỄN VĂN THANH	Tổ dân phố 35		0,1080														648.000	
16	LÊ THỊ NGŨ	Tổ dân phố 35		0,1080														648.000	
17	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Tổ dân phố 35	0,0250			0,0157												485.500	
18	NGÔ VĂN KHOA	Tổ dân phố 35	0,2880	0,1080														3.528.000	
19	LƯƠNG VĂN LƯU	Tổ dân phố 35	0,1800															1.800.000	
20	HOÀNG THỊ PHƯỢNG	Tổ dân phố 35	0,1080	0,1800														2.160.000	
21	HOÀNG THỊ SẴN	Tổ dân phố 35	0,2520															2.520.000	
22	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Tổ dân phố 35	0,1800															1.800.000	
23	NGUYỄN THỊ THẢO	Tổ dân phố 35	0,0720															720.000	
24	THỊ THỊ TUYẾT	Tổ dân phố 35	0,1080															1.080.000	
	TỔNG TDP 35		2,0425	0,6590	0,1800	0,0157	0	0,1000	0,7494	0	0	0	0	0	0,2204	0,0100	0	52.318.900	
1	DƯƠNG VĂN CHUNG	TDP THANH TRÀ 1	0,0728					0,0773										3.047.000	
2	HÀ THỊ YẾN	TDP THANH TRÀ 1									0,0873							436.500	
3	LÊ VĂN ĐẠO	TDP THANH TRÀ 1									0,0900							450.000	
4	LƯU THỊ NGỌC	TDP THANH TRÀ 1									0,1060				0,0723			963.800	
5	LÝ VĂN HẢI (ĐÀO)	TDP THANH TRÀ 1													0,0299			179.400	
6	DIỆP VĂN TỰ - CHÚC	TDP THANH TRÀ 1									0,1239							619.500	
7	LÊ VĂN HÒA	TDP THANH TRÀ 1									0,0800							400.000	
8	PHẠM XUÂN THÀNH	TDP THANH TRÀ 1									0,0480							240.000	
9	ĐẶNG VĂN LÝ	TDP THANH TRÀ 1													0,1042			625.200	
10	LÝ TIẾN CƯỜNG	TDP THANH TRÀ 1													0,0391			234.600	
11	NGÔ VĂN THỦY	TDP THANH TRÀ 1													0,2400			1.440.000	
12	LÝ VĂN HẢI - HIỀN	TDP THANH TRÀ 1													0,2700			1.620.000	
13	DIỆP HỒNG PHONG	TDP THANH TRÀ 1													0,1611			966.600	
14	LÊ THỊ LIÊN	TDP THANH TRÀ 1													0,0204			122.400	
15	NGUYỄN THỊ HOA	TDP THANH TRÀ 1													0,0118			70.800	
16	TRẦN VĂN HAI	TDP THANH TRÀ 1									0,0338				0,0617			539.200	
17	LƯU THỊ THẨM	TDP THANH TRÀ 1													0,0661			396.600	
18	NGÔ VĂN BÁO	TDP THANH TRÀ 1													0,0425			255.000	
19	LÊ VĂN HÙNG	TDP THANH TRÀ 1													0,1020			612.000	
20	LÝ QUANG HUY	TDP THANH TRÀ 1									0,1370				0,0459			960.400	
21	ĐẶNG VĂN TỰ	TDP THANH TRÀ 1													0,1771			1.062.600	
22	NGUYỄN MINH TUẤN	TDP THANH TRÀ 1									0,1864							932.000	
23	LÊ ĐỨC MINH	TDP THANH TRÀ 1	0,2400															2.400.000	
24	NGUYỄN BÁ VIỆT	TDP THANH TRÀ 1	0,0333															333.000	
25	PHẠM ĐÌNH HUY	TDP THANH TRÀ 1													0,0100			60.000	
26	ĐẶNG VĂN TOÀN	TDP THANH TRÀ 1									0,1313				0,3029			2.473.900	
27	LÊ THỊ HỒNG	TDP THANH TRÀ 1									0,1929							964.500	
28	DIỆP VĂN HẢI	TDP THANH TRÀ 1													0,0947			568.200	
	TỔNG TDP THANH TRÀ 1		0,3461	0	0	0	0	0	0,0773	0	1,2166	0	0	0	1,8517	0	0	22.973.200	
1	BÙI THỊ CHUYỀN	TDP THANH TRÀ 2			0,0850													850.000	
2	THỊ VĂN HAI	TDP THANH TRÀ 2													0,0720			432.000	

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích							Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				
				Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống		Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết
			ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	ha	đồng
48	Phạm Thị Hồng Hải	TDP CAO SƠN 1								0,0765									382.500
49	Trương Thị Vòng	TDP CAO SƠN 1								0,0285									142.500
TỔNG TDP CAO SƠN 1			0,1805	0,2811	0,0154	0,0683	0,0000	0,0885	0	0	5,2352	0	0,0416	0	0	0	0	0	32.823.150
1	Nguyễn Thị Sáu	TDP CAO SƠN 2	0,1035																1.035.000
2	Trần Văn Sinh	TDP CAO SƠN 2	0,1395																1.395.000
3	Hoàng Đức Thuận	TDP CAO SƠN 2	0,1042																1.042.000
4	Nguyễn Xuân Sách	TDP CAO SƠN 2	0,1589																1.589.000
TỔNG TDP CAO SƠN 2			0,5061	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.061.000
1	Nguyễn Xuân Cử	TDP CAO SƠN 3		0,0450															270.000
2	Đào Thị Hồng	TDP CAO SƠN 3	0,0895																895.000
3	Lục Thị Lương	TDP CAO SƠN 3	0,1218								0,2400								2.418.000
4	Phạm Huy Hòa	TDP CAO SƠN 3	0,1440																1.440.000
5	Phạm Huy Trinh	TDP CAO SƠN 3	0,0684																684.000
6	Phạm Văn Thành	TDP CAO SƠN 3		0,0781															468.480
7	Lê Văn Hạnh	TDP CAO SƠN 3	0,2520																2.520.000
8	Hoàng Thị Mai	TDP CAO SƠN 3	0,0531																531.000
9	Phạm Huy Hùng	TDP CAO SƠN 3	0,0691																691.000
10	Nguyễn Thị Sen	TDP CAO SƠN 3	0,1644			0,0182													1.917.000
TỔNG TDP CAO SƠN 3			0,9623	0,1231	0	0,0182	0	0	0	0	0,2400	0	0	0	0	0	0	0	11.834.480
1	Đoàn Quốc Chính	TDP CAO SƠN 5	0,1500																1.500.000
2	Dương Văn Ninh	TDP CAO SƠN 5	0,2160																2.160.000
3	Nguyễn Văn Minh	TDP CAO SƠN 5	0,1500																1.500.000
TỔNG TDP CAO SƠN 5			0,516	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.160.000
TỔNG CÁC TỔ DÂN PHỐ			113,3643	10,7393	16,4194	19,3388	19,4213	11,8142	5,9205	0,0779	7,9004	0,0396	0,1482	0,6370	6,7806	1,7363	0,5482	0	2.415.392.560